

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẮC VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẮC VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAC VIET CONSTRUCTION INVESTMENT AND TRANDING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108907555

**3. Ngày thành lập:** 23/09/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số HL33-34 Khu đô thị Vinhomes Greenbay , Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                           | 5510        |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                   | 4101        |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                             | 4102        |
| 4.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                 | 4222        |
| 5.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                  | 4223        |
| 6.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                   | 4229        |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311        |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                               | 4321        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                               | 4322        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                      | 4329        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                      | 4330        |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                 | 4390        |
| 14. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Theo Điều 19, Điều 25, Điều 54, Điều 62, Điều 69, Điều 74, Điều 75 Luật kinh doanh bất động sản 2014)                                   | 6810(Chính) |
| 15. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Tư vấn, môi giới bất động sản (Theo Điều 62, Điều 69, Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản 2014)                                                                                   | 6820        |
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.                                                                                                                                                              | 4610        |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                              | 4653        |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). | 4659        |
| 19. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                 | 4662        |
| 20. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                         | 5210        |
| 21. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                    | 5224        |
| 22. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                    | 5610        |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 30.000.000

Thời gian đăng từ ngày 23/09/2019 đến ngày 23/10/2019

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                    | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐÌNH HÀ   | Số 1 ngách 68/91 đường Cầu Giấy, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                             | Cổ phần phổ thông | 4.500.000  | 45.000.000.000        | 15,000    | 024074000057                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                                         | Tổng số           | 4.500.000  | 45.000.000.000        | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐINH HỮU LĂNG    | C7 - Khu B tập thể Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 5.100.000  | 51.000.000.000        | 17,000    | 037062000025                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                                         | Tổng số           | 5.100.000  | 51.000.000.000        | 17,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM THỊ HUYỀN   | A14 Lô 11 Khu đô thị mới Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 13.500.000 | 135.000.000.000       | 45,000    | 012344359                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                                         | Tổng số           | 13.500.000 | 135.000.000.000       | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN THỊ NHÀN  | Số 19 ngõ 126 đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 5.100.000  | 51.000.000.000        | 17,000    | B5053017                                                                                    |         |
|     |                  |                                                                                                                         | Tổng số           | 5.100.000  | 51.000.000.000        | 17,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | TRỊNH THỊ PHƯƠNG | Thôn Xuân Thành, Xã Ninh Vân, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                                                    | Cổ phần phổ thông | 1.800.000  | 18.000.000.000        | 6,000     | 164344169                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                                         | Tổng số           | 1.800.000  | 18.000.000.000        | 6,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH HÀ

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/04/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 024074000057

Ngày cấp: 05/11/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 1 ngách 68/91 đường Cầu Giấy, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 1 ngách 68/91 đường Cầu Giấy, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội